

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)*

### **1. Đặc điểm hoạt động**

Công ty Cổ phần Bê tông Hòa Cẩm - Intimex (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 4700/QĐ-UB ngày 05/12/2001 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Quảng Nam. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3303070008 ngày 24/12/2001 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam (từ khi thành lập đến nay Công ty đã 12 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần gần nhất vào ngày 26/08/2011), Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

#### ***Ngành nghề kinh doanh chính***

- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao. Chi tiết: sản xuất bê tông thương phẩm;
- Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá. Chi tiết: chế biến đá xây dựng;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, thủy điện, xây lắp đường dây và lưới điện đến 35KV;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: kinh doanh nhà đất;
- Buôn bán xăng dầu và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn đồ uống. Chi tiết: bán buôn rượu, bia, nước giải khát;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: bán buôn máy móc, thiết bị vận tải, thiết bị, phụ tùng máy bơm bê tông, thiết bị điện công nghiệp, gia dụng, công nghệ thông tin, thiết bị văn phòng;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.

### **2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

### **3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam, ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, các qui định sửa đổi, bổ sung có liên quan và Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Chứng từ ghi sổ.

### **4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**

#### ***4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền***

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)*

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### **4.2 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

### **4.3 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

### **4.4 Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh và các khoản đầu tư tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng được lập cho các khoản giảm giá đầu tư nếu phát sinh tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

### **4.5 Tài sản cố định hữu hình**

#### **Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

#### **Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 20
Máy móc, thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải	5 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 5

### 4.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là phần mềm kế toán được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Khấu hao của tài sản cố định vô hình này được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm kế toán	5

### 4.7 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

### 4.8 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### 4.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay trong giai đoạn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng cơ bản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Khi công trình hoàn thành thì chi phí đi vay được tính vào chi phí tài chính trong kỳ.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh.

### 4.10 Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế được trích lập các quỹ và chia cho các cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội Cổ đông.

### 4.11 Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo hai trường hợp:
  - ✓ Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành.
  - ✓ Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy thì

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

doanh thu và chi phí của hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành trong kỳ được khách hàng xác nhận.

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
  - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
  - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### 4.12 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

### 4.13 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế Giá trị gia tăng:
  - ✓ Hoạt động bán bê tông thương phẩm và xây lắp: áp dụng mức thuế suất 10%.
  - ✓ Các hoạt động kinh doanh khác: áp dụng mức thuế suất tương ứng theo quy định hiện hành.
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp:
  - ✓ Đối với dự án “Nhà máy Bê tông Chu Lai”:
    - Áp dụng mức thuế suất 10% trên lợi nhuận thu được. Dự án được miễn thuế Thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm đầu kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong thời gian 9 năm tiếp theo. Với dự án này, Công ty có thu nhập chịu thuế từ năm 2003 nên được miễn thuế Thu nhập doanh nghiệp từ năm 2003 đến năm 2006 và giảm 50% thuế TNDN từ năm 2007 đến năm 2015. Ngoài ra, sau

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

khi hết thời hạn miễn giảm trên Dự án còn được miễn thuế Thu nhập doanh nghiệp trong thời gian 7 năm tiếp theo.

Ưu đãi trên đây được quy định trong Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 29/CN-UB ngày 08/09/2003 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Quảng Nam.

- ✓ Đối với hoạt động xây lắp và các hoạt động khác: Áp dụng mức thuế suất 25%.
- Các loại thuế khác nộp theo quy định hiện hành.

### 4.14 Công cụ tài chính

#### Ghi nhận ban đầu

##### Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

##### Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và phải trả khác.

#### Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu

### 4.15 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

## 5. Tiền

	31/12/2012	31/12/2011
		VND
Tiền mặt tại quỹ	34.861.079	58.088.975
Tiền gửi ngân hàng	4.025.902.038	5.280.406.287
<b>Cộng</b>	<b>4.060.763.117</b>	<b>5.338.495.262</b>

## 6. Các khoản phải thu khác

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
- Căng Kỳ Hà	181.000.000	181.000.000
- Phải thu Quỹ khen thưởng, phúc lợi chi vượt	191.334.858	-
- Các đối tượng khác	95.575.915	46.501.845
<b>Cộng</b>	<b>467.910.773</b>	<b>227.501.845</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 7. Hàng tồn kho

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	3.251.389.432	3.104.472.887
Công cụ, dụng cụ	21.453.427	21.466.387
Chi phí SXKD dở dang	7.083.590.756	6.835.778.268
Thành phẩm tồn kho	83.162.601	70.978.028
<b>Cộng</b>	<b>10.439.596.216</b>	<b>10.032.695.570</b>

### 8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	99.335.797	68.442.966
<b>Cộng</b>	<b>99.335.797</b>	<b>68.442.966</b>

### 9. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tạm ứng	44.381.462	18.965.800
Tài sản thiếu chờ xử lý	203.796.872	203.796.872
<b>Cộng</b>	<b>248.178.334</b>	<b>222.762.672</b>

### 10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, Vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	7.027.452.760	14.700.607.807	44.990.276.285	278.440.425	66.996.777.277
Tăng trong kỳ	-	163.886.063	5.016.418.177	45.300.000	5.225.604.240
Giảm trong kỳ	-		27.559.994		27.559.994
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>7.027.452.760</b>	<b>14.864.493.870</b>	<b>49.979.134.468</b>	<b>323.740.425</b>	<b>72.194.821.523</b>
<b>Khấu hao</b>					
Số đầu năm	5.959.129.404	9.580.458.708	21.773.663.494	257.614.795	37.570.866.401
Tăng trong kỳ	396.778.993	775.885.316	3.933.507.804	5.332.377	5.108.044.263
Giảm trong kỳ			27.559.994		27.559.994
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>6.355.908.397</b>	<b>10.356.344.024</b>	<b>25.679.611.304</b>	<b>262.947.172</b>	<b>42.654.810.897</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	1.068.323.356	5.120.149.099	23.216.612.791	20.825.630	29.425.910.876
<b>Số cuối kỳ 31/12</b>	<b>671.544.363</b>	<b>4.508.149.846</b>	<b>24.302.983.391</b>	<b>60.793.253</b>	<b>29.540.010.626</b>

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### **11. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất có thời hạn VND</b>	<b>Phần mềm máy tính VND</b>	<b>Cộng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm		64.727.273	64.727.273
Tăng trong kỳ	-		
Giảm trong kỳ	-		
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>64.727.273</b>	<b>64.727.273</b>
<b>Khấu hao</b>			
Số đầu năm		40.145.452	40.145.452
Tăng trong kỳ		6.145.452	6.145.452
Giảm trong kỳ			
<b>Số cuối kỳ</b>		<b>46.290.904</b>	<b>46.290.904</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	-	24.581.821	24.581.821
<b>Số cuối kỳ 31/12</b>	<b>-</b>	<b>18.436.369</b>	<b>18.436.369</b>

### **12. Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh**

	<b>31/12/2012</b>		<b>31/12/2011</b>	
	<b>Số lượng cổ phiếu</b>	<b>Giá trị VND</b>	<b>Số lượng cổ phiếu</b>	<b>Giá trị VND</b>
Góp vốn tại Công ty CP Chu Lai	493.626	5.319.660.000	493.626	5.319.660.000
<b>Cộng</b>		<b>5.319.660.000</b>		<b>5.319.660.000</b>

Giá trị vốn góp tại Công ty Cổ phần Chu Lai đến thời điểm 31/12/2012 là: 5.319.660.000 đồng, tỷ lệ vốn góp là: 49,09 % (mệnh giá 10.000 đồng/Cổ phiếu). Cổ phiếu này chưa được niêm yết tại các sàn giao dịch (Công ty CP Chu Lai chưa phải là Công ty đại chúng) và Công ty cũng không có được nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy về thị giá cổ phiếu này tại ngày 31/12/2012. Công ty đã nhận được Báo cáo tài chính Quý 4 năm 2012 của Công ty CP Chu Lai, báo cáo tài chính của Công ty này có lãi. Do đó, khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Chu Lai được ghi nhận theo giá gốc.

### **13. Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>31/12/2012 VND</b>	<b>31/12/2011 VND</b>
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	81.250.000	96.893.580
<b>Cộng</b>	<b>81.250.000</b>	<b>96.893.580</b>

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### **14. Vay và nợ ngắn hạn**

	<b>31/12/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vay ngắn hạn	7.949.786.974	5.860.870.568
- Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Đà Nẵng	-	2.045.445.010
- Ngân hàng Ngoại Thương – CN Đà Nẵng	7.949.786.974	3.815.425.558
Vay dài hạn và Nợ dài hạn đến hạn trả	872.500.000	3.279.457.000
- Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Đà Nẵng	872.500.000	1.656.125.000
- Ngân hàng SHB - Chi nhánh Đà Nẵng	-	800.000.000
- Ngân hàng HD Bank - Chi nhánh Đà Nẵng	-	823.332.000
<b>Cộng</b>	<b>8.822.286.974</b>	<b>9.140.327.568</b>

### **15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước**

	<b>31/12/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế GTGT phải nộp	48.899.472	331.372.432
Thuế thu nhập doanh nghiệp	305.054.051	2.392.112.189
Thuế thu nhập cá nhân	6.121.311	-
<b>Cộng</b>	<b>360.074.834</b>	<b>2.723.484.621</b>

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính này sẽ có thể thay đổi theo Quyết định của Cơ quan thuế.

### **16. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Kinh phí công đoàn	303.484.237	182.429.610
Thù lao HĐQT, BKS phải trả	272.000.000	154.000.000
Cổ tức phải trả	-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	15.472.799	5.733.588
<b>Cộng</b>	<b>590.957.036</b>	<b>342.163.198</b>

### **17. Vay và nợ dài hạn**

	<b>31/12/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vay dài hạn		
- Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Đà Nẵng (*)	2.617.500.000	2.219.000.000
- Ngân hàng SHB Đà Nẵng	-	356.800.000
- Ngân hàng HD Bank Đà Nẵng	-	2.470.003.000

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Cộng	2.617.500.000	5.045.803.000
------	---------------	---------------

(\*) Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - CN Đà Nẵng theo hợp đồng tín dụng trung, dài hạn ngày 07/12/2012 để đầu tư mua xe 04 xe trộn bê tông Hyundai. Theo đó, thời hạn vay của hợp đồng là 48 tháng tính từ ngày giải ngân (ngày 07/12/2012). Lãi suất vay bằng lãi suất tiết kiệm VND trả lãi sau kỳ hạn 12 tháng, mã sản phẩm đuôi X cộng (+) phí Ngân hàng, lãi suất được điều chỉnh 03 tháng /lần vào các ngày 26/3, 26/6, 26/9 và 26/12 hàng năm.

- Tại thời điểm điều chỉnh nếu:

+ Lãi suất tiết kiệm VND trả lãi sau kỳ hạn 12 tháng và mức phí không thay đổi thì áp dụng mức lãi suất cho vay áp dụng liền kề trước đó.

+ Lãi suất tiết kiệm VND trả sau kỳ hạn 12 tháng và/hoặc mức phí thay đổi thì Ngân hàng sẽ tự động điều chỉnh mức lãi suất cho vay áp dụng cho kỳ tiếp theo và thông báo bằng văn bản cho Bên vay biết.

- Lãi suất nợ quá hạn:

+ Lãi suất quá hạn là: 150% lãi suất trong hạn (lãi suất vay đã được điều chỉnh nếu có) tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

- Trường hợp theo đề nghị của Bên vay, Ngân hàng chấp thuận cho Bên vay gia hạn nợ, điều chỉnh kỳ hạn nợ, Ngân hàng có quyền điều chỉnh mức lãi suất, phù hợp với quy định hiện hành của pháp luật và của BIDV tại thời điểm điều chỉnh kỳ hạn nợ/gia hạn nợ.

Khoản vay vốn này được thế chấp bằng 04 xe trộn bê tông.

### 18. Vốn chủ sở hữu

#### a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn chủ sở hữu	Cổ phiếu mua lại	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	LN sau thuế chưa phân phối
	VND		VND	VND	VND
<b>Số dư tại 01/01/2011</b>	<b>28.235.610.000</b>	<b>(390.000)</b>	<b>7.014.738.805</b>	<b>2.969.818.360</b>	<b>3.419.909.676</b>
Tăng trong kỳ	8.469.610.000		3.234.168.386		12.495.713.838
Giảm trong kỳ			8.469.610.000		3.419.909.676
<b>Số dư tại 31/12/2011</b>	<b>36.705.220.000</b>	<b>(390.000)</b>	<b>1.779.297.191</b>	<b>2.969.818.360</b>	<b>12.495.713.838</b>
<b>Số dư tại 01/01/2012</b>	<b>36.705.220.000</b>	<b>(390.000)</b>	<b>1.779.297.191</b>	<b>2.969.818.360</b>	<b>12.495.713.838</b>
Tăng trong kỳ			118.361.438		11.838.875.501
Giảm trong kỳ					19.836.679.838
<b>Số dư tại 31/12/2012</b>	<b>36.705.220.000</b>	<b>(390.000)</b>	<b>1.897.658.629</b>	<b>2.969.818.360</b>	<b>4.497.909.501</b>

#### b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Công ty CP Tập Đoàn Intimex	18.896.290.000	18.896.290.000
Vốn góp của các cổ đông khác	17.808.540.000	17.808.540.000
Mệnh giá cổ phiếu quỹ	390.000	390.000
	<b>36.705.220.000</b>	<b>36.705.220.000</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### c. Cổ phiếu

	31/12/2012 Cổ phiếu	31/12/2011 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	3.670.522	3.670.522
- Cổ phiếu thường		
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu mua lại	39	39
- Cổ phiếu thường	39	39
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.670.483	3.670.483
- Cổ phiếu thường	3.670.483	3.670.483
- Cổ phiếu ưu đãi		
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND		

### d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	12.495.713.838	3.419.909.676
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	11.838.875.501	12.495.713.838
<b>Các khoản giảm lợi nhuận sau thuế</b>	<b>19.836.679.838</b>	<b>3.419.909.676</b>
<b>Phân phối lợi nhuận năm trước</b>	<b>12.495.713.838</b>	<b>3.419.909.676</b>
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	118.361.438	3.234.168.386
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.100.000.000	185.741.290
- Chi trả cổ tức	10.277.352.400	-
<b>Phân phối lợi nhuận năm nay</b>	<b>7.340.966.000</b>	<b>-</b>
- Tạm ứng cổ tức đợt 1 (20%)	7.340.966.000	
<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>4.497.909.501</b>	<b>12.495.713.838</b>

### 19. Doanh thu

	Quý 4 năm 2012 VND	Quý 4 năm 2011 VND
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>45.968.600.427</b>	<b>57.849.720.899</b>
+ Doanh thu Bê tông tại Nhà máy Bê tông Chu Lai	13.936.143.958	8.257.083.269
+ Doanh thu Bê tông tại Chi nhánh Đà Nẵng	5.154.159.533	7.743.434.070
+ Doanh thu Bê tông và hoạt động xây lắp tại Công ty	26.878.296.936	41.849.203.560
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		-
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>45.968.600.427</b>	<b>57.849.720.899</b>
+ Doanh thu thuần Bê tông tại Nhà máy Bê tông Chu Lai	13.936.143.958	8.257.083.269

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

+ Doanh thu thuần Bê tông tại Chi nhánh Đà Nẵng	5.154.159.533	7.743.434.070
+ Doanh thu thuần Bê tông và hoạt động x.lắp tại Công ty	26.878.296.936	41.849.203.560

### **20. Giá vốn hàng bán**

	<b>Quý 4 năm 2012</b>	<b>Quý 4 năm 2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
+ Giá vốn Bê tông tại Nhà máy Bê tông Chu Lai	12.690.491.324	7.205.981.908
+ Giá vốn Bê tông tại Chi nhánh Đà Nẵng	4.947.943.453	7.449.419.745
+ Giá vốn Bê tông và hoạt động xây lắp tại Công ty	24.766.884.727	37.693.111.643
<b>Cộng</b>	<b>42.405.319.504</b>	<b>52.348.513.296</b>

### **21. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Quý 4 năm 2012</b>	<b>Quý 4 năm 2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	86.580.903	12.390.658
Tiền cổ tức đợt 1/2012 (Công ty CP Chu Lai)	493.626.000	-
<b>Cộng</b>	<b>580.206.903</b>	<b>12.390.658</b>

### **22. Chi phí hoạt động tài chính**

	<b>Quý 4 năm 2012</b>	<b>Quý 4 năm 2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay	440.124.620	1.112.285.369
<b>Cộng</b>	<b>440.124.620</b>	<b>1.112.285.369</b>

### **23. Thu nhập khác**

	<b>Quý 4 năm 2012</b>	<b>Quý 4 năm 2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Hoàn nhập Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	348.621.517	-
Điều chỉnh giảm tiền nợ khó đòi (đã trích lập dự phòng)	-	-11.610.000
<b>Cộng</b>	<b>348.621.517</b>	<b>-11.610.000</b>

### **24. Chi phí khác**

	<b>Quý 4 năm 2012</b>	<b>Quý 4 năm 2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thù lao HĐQT, BKS không tham gia điều hành trực tiếp	45.000.000	67.500.000
Chi phí phạt giao thông	36.300.000	21.430.000

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

<b>Cộng</b>	<b>81.300.000</b>	<b>88.930.000</b>
<b>25. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và lợi nhuận sau thuế trong kỳ</b>		
	<b>Quý 4 năm 2012</b>	<b>Quý 4 năm 2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>2.729.797.545</b>	<b>2.588.019.894</b>
<b>Các khoản điều chỉnh tăng, giảm LN chịu thuế TNDN</b>	<b>(412.326.000)</b>	<b>118.930.000</b>
- Các khoản điều chỉnh tăng LN chịu thuế TNDN	81.300.000	118.930.000
+ <i>Phạt nộp hành chính (phạt giao thông)</i>	36.300.000	21.430.000
+ <i>Thù lao HĐQT, BKS</i>	45.000.000	67.500.000
+ <i>Chi phí không hợp lý, hợp lệ</i>		30.000.000
- Các khoản điều chỉnh giảm LN chịu thuế TNDN	(493.626.000)	-
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	(493.626.000)	
<b>Tổng thu nhập chịu thuế</b>	<b>2.317.471.545</b>	<b>2.706.949.894</b>
- <i>Nhà Máy Bê tông Chu Lai</i>	717.400.694	607.648.035
- <i>Hoạt động sản xuất Bê tông, xây lắp và hoạt động khác</i>	1.600.070.851	2.099.301.859
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>471.757.782</b>	<b>585.590.269</b>
- <i>Nhà Máy Bê tông Chu Lai (10%)</i>	71.740.069	60.764.804
- <i>Hoạt động s. xuất Bê tông, xây lắp và hoạt động khác (25%)</i>	400.017.713	524.825.465
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm</b>	<b>166.636.359</b>	<b>30.382.402</b>
- <i>Giảm 50% số thuế TNDN dự án NM Bê tông Chu Lai</i>	35.870.035	30.382.402
- <i>Giảm 30% số thuế TNDN (TT 140/2012/TT-BTC ngày 21/8/2012)</i>	130.766.324	
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>305.121.423</b>	<b>555.207.867</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>2.424.676.122</b>	<b>2.032.812.027</b>

### 26. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<b>Quý 4 năm 2012 VND</b>	<b>Quý 4 năm 2011 VND</b>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	<b>2.424.676.122</b>	<b>2.032.812.027</b>
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm LN kế toán để xác định LN hoặc lỗ phân bổ cho các Cổ đông sở hữu Cổ phiếu		
- Các khoản điều chỉnh tăng		
- Các khoản điều chỉnh giảm		
LN hoặc lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu Cổ phiếu phổ thông	<b>2.424.676.122</b>	<b>2.032.812.027</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	3.670.483	3.670.483
<b>Lãi cơ bản trên Cổ phiếu</b>	<b>661</b>	<b>554</b>

### 27. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)*

Không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính.

### **28. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 (Báo cáo này đã được kiểm toán bởi AAC), số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán Quý 4 năm 2011 do Công ty CP Bê tông Hòa Cẩm - Intimex lập.

**Tổng Giám đốc**

**Kế toán trưởng**

**Ngô Văn Long**

**Nguyễn Thị Ngọc Anh**

*Quảng Nam, ngày 18 tháng 01 năm 2013*